

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trương Ngọc Nhân, ông Đinh Hồng Sâm

- Thư ký phiên tòa: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:
ông Tô Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST – HNGĐ ngày 04/3/2022 về “tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Trương Văn D; sinh năm 1976; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* chị Cao Thị Q; sinh năm 1981; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt lần thứ hai.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tổ dân phố 1, thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

Ông Nguyễn Tất Thành – phó giám đốc là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021); có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 2/3/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn Dũng trình bày: ngày 06/01/2022, TAND huyện Minh Hóa đã giải quyết cho anh D và chị Q ly hôn và giao quyền nuôi con, về phần tài sản chung, nợ chung chưa được giải quyết nay anh D làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết khối tài chung và nợ chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ, 01 ngôi nhà phụ, 01 nhà bếp, 01 chuồng lợn, 03 chiếc giường ngủ, 01 tủ bích phê, 01 tủ lạnh, 01 mặt bàn, 01 xe máy YAMAHA SIRIUS, máy móc làm mộc. Về nợ chung anh D và chị Q có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 30.000.000 đ. Anh D đề nghị Tòa án Minh Hóa xem xét giải quyết cho anh D lấy hết số tài sản chung và sẽ trả toàn bộ nợ chung.

Bị đơn chị Cao Thị Quý trình bày: chị và anh D có khối tài sản chung và nợ chung như anh Dũng trình bày, nguyện vọng của chị Q là chia đôi khối tài sản chung và nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tất Thành: ngày 08/02/2022, bà Cao Thị Q và ông Trương Văn D có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 30.000.000đ, theo khế ước số 6600000722053172, lãi suất vay 7,92%/năm, thời gian trả nợ 08/02/2027. Nợ lãi chưa trả đến ngày 18/3/2022 là 80.000 đ, tổng dư nợ là 30.080.000đ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Ngày 27/5/2022, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, kết quả:

- 01 ngôi nhà gỗ, mái ngói 03 gian, thưng ván, nền xi măng, diện tích 59,94 m² có giá trị 20.668.000 đ.
- 01 ngôi nhà phụ, mái lợp tôn, cửa ghép đơn giản, nền láng xi măng, thưng gỗ, diện tích 49,92 m² có giá trị 3.265.000 đ.
- 01 ngôi nhà bếp tường xây gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng diện tích 18,87 m² có giá trị 34.371.000 đ.
- 01 chuồng lợn, xây bằng gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng, tường cao dưới 02 m, diện tích 76,5 m² có giá trị 29.050.000 đ.
- 03 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 6.750.000 đ.
- 01 tủ Bích Phê bằng gỗ mua năm 2016 có giá trị 1.400.000 đ.
- 01 tủ lạnh hiệu SHARP mua năm 2016 có giá trị 0 đồng
- 01 mặt bàn bằng gỗ mua năm 2018 có giá trị 1.000.000 đ.

- 01 chiếc xe máy YAMAHA SIRIUS mua năm 2017 có giá trị 11.000.000 đ.
- 01 máy cưa mua năm 2019 có giá trị 0 đồng.
- 01 máy cắt mua năm 2017 có giá trị 1.800.000 đ.
- 01 máy phun mua năm 2017 có giá trị 1.100.000 đ.
- 01 bộ gỗ nhà gồm 45 que khung ngoại có trị giá 18.000.000 đ; mặt, đai đồ 135 que gỗ Mang, Chay có trị giá 20.250.000 đ.

Ngày 24/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh D và anh Q. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Q vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa với lý do vắng mặt bị đơn.

Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 14/9/2022 của ông Nguyễn Tất Th trình bày: Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 30.000.000đ, theo khế ước số 6600000722053172, lãi suất vay 7,92%/năm, thời gian trả nợ 08/02/2027. Nợ lãi chưa trả đến ngày 14/9/2022 là 53.000 đ, tổng dư nợ là 30.053.000đ.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 73, 186 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định nhưng khi được triệu tập để tham gia phiên tòa lại không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung: áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất: chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Anh D, chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh Dũng khởi kiện tranh chấp tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Khai Hóa, xã Thương Hóa huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Minh Hoá.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “chia tài sản sau khi ly hôn”, không phải là “tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” mà một số văn bản tố tụng trong hồ sơ vụ án đã thể hiện.

[2]. Về nội dung: anh D khởi kiện Tòa án chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn, chị Q thừa nhận số tài sản chung mà anh D đề nghị chia, như vậy tài sản chung của hai vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà gỗ, mái ngói 03 gian, thưng ván, nền xi măng, diện tích 59,94 m² có giá trị 20.668.000 đ; 01 ngôi nhà phụ, mái lợp tôn, cửa ghép đơn giản, nền láng xi măng, thưng gỗ, diện tích 49,92 m² có giá trị 3.265.000 đ; 01 ngôi nhà bếp tường xây gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng diện tích 18,87 m² có giá trị 34.371.000 đ; 01 chuồng lợn, xây bằng gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng, tường cao dưới 02 m, diện tích 76,5 m² có giá trị 29.050.000 đ; 03 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 6.750.000 đ; 01 tủ Bích Phê bằng gỗ mua năm 2016 có giá trị 1.400.000 đ; 01 tủ lạnh hiệu SHARP mua năm 2016 có giá trị 0 đồng; 01 mặt bàn bằng gỗ mua năm 2018 có giá trị 1.000.000 đ; 01 chiếc xe máy YAMAHA SIRIUS mua năm 2017 có giá trị 11.000.000 đ; 01 máy cưa mua năm 2019 có giá trị 0 đồng; 01 máy cắt mua năm 2017 có giá trị 1.800.000 đ; 01 máy phun mua năm 2017 có giá trị 1.100.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 45 que khung ngoại có giá: 18.000.000 đ; mặt, đai, đồ 135 que gỗ Mang, Chay có giá: 20.250.000 đ. Tổng giá trị tài sản là: 148.654.000 đ, như vậy phần tài sản của mỗi người trong khối tài sản chung là 74.327.000 đ.

Nợ chung: chị Cao Thị Q và anh Trương Văn D có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 30.000.000đ, theo khế ước số 6600000722053172, lãi suất vay 7,92%/năm, thời gian trả nợ 08/02/2027. Nợ lãi chưa trả đến ngày 14/9/2022 là 53.000 đ, tổng dư nợ là 30.053.000đ.

[3]. Xét yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung:

[3.1]. Căn cứ quy định tại khoản 2, 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “... 2. Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi....” “ 3. Tài sản chung của vợ chồng được chia bằng hiện vật, nếu không chia bằng hiện vật thì chia theo giá trị...”

[3.2]. Xét yêu cầu của anh D đề nghị lấy tất cả tài sản, trả chênh lệch tài sản cho chị Q và trả toàn bộ khoản tiền vay là không hợp lý vì chị Q còn nuôi con nhỏ nếu chia theo yêu cầu của anh D sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chị Q và con nhỏ nên Hội đồng xét xử chia như sau:

Chia cho anh D: 01 ngôi nhà gỗ, mái ngói 03 gian, thưng ván, nền xi măng, diện tích 59,94 m² có giá trị 20.668.000 đ; 02 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 4.500.000 đ; 01 tủ Bích Phê bằng gỗ mua năm 2016 có giá trị 1.400.000 đ; 01 tủ lạnh hiệu SHARP mua năm 2016 có giá trị 0 đồng; 01 mặt bàn bằng gỗ mua năm 2018 có giá trị 1.000.000 đ; 01 chiếc xe máy YAMAHA SIRIUS mua năm 2017 có giá trị 11.000.000 đ; 01 máy cửa mua năm 2019 có giá trị 0 đồng; 01 máy cắt mua năm 2017 có giá trị 1.800.000 đ; 01 máy phun mua năm 2017 có giá trị 1.100.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 23 que khung ngoại có trị giá: 9.200.000 đ; mặt, đai đồ 68 que gỗ Mang, Chay: 10.200.000 đ. Tổng giá trị tài sản được chia là 60.868.000 đ.

Chia cho chị Q: 01 ngôi nhà phụ, mái lợp tôn, cửa ghép đơn giản, nền láng xi măng, thưng gỗ, diện tích 49,92 m² có giá trị 3.265.000 đ; 01 ngôi nhà bếp tường xây gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng diện tích 18,87 m² có giá trị 34.371.000 đ; 01 chuồng lợn, xây bằng gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng, tường cao dưới 02 m, diện tích 76,5 m² có giá trị 29.050.000 đ; 01 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 2.250.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 22 que khung ngoại có trị giá 8.800.000 đ; mặt, đai đồ 67 que gỗ Mang, Chay trị giá 10.050.000 đ. Tổng tài sản được chia là 87.786.000 đ.

Chị Cao Thị Q phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh Trương Văn D số tiền 13.459.000 đ (87.786.000 đ - 74.327.000 đ)

[3.3]. Về khoản vay chung: đối với khoản vay số tiền 30.000.000 đ và lãi phát sinh 53.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, Hội đồng xét xử xét thấy: cần buộc anh D và chị Q mỗi người

phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình số tiền 15.026.500 đ số tiền gốc và lãi phát sinh.

[4]. Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản anh Trương Văn D đã nộp là 3.000.000 đ, theo quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phải chịu đối với phần tài sản họ được chia do vậy cần buộc chị Q phải trả lại cho anh D số tiền 1.500.000 đ.

[5]. Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được chia, cụ thể: anh D phải chịu 3.716.000đ $[(60.868.000 \text{ đ} + 13.459.000\text{đ}) \times 5\%]$, chị Q phải chịu: 3.716.000 đ. Anh D và chị Q phải chịu án phí về chia nợ chung số tiền: 751.000 đ.

[6]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 157, 165, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, 45 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Văn D về việc yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn với bị đơn chị Cao Thị Q.

2. Xác định anh Trương Văn D và chị Cao Thị Q có khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà gỗ, mái ngói 03 gian, thung ván, nền xi măng, diện tích 59,94 m² có giá trị 20.668.000 đ; 01 ngôi nhà phụ, mái lợp tôn, cửa ghép đơn giản, nền lát xi măng, thung gỗ, diện tích 49,92 m² có giá trị 3.265.000 đ; 01 ngôi nhà bếp tường xây gạch,

mái phibroximang, nền láng xi măng diện tích 18,87 m² có giá trị 34.371.000 đ; 01 chuồng lợn, xây bằng gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng, tường cao dưới 02 m, diện tích 76,5 m² có giá trị 29.050.000 đ; 03 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 6.750.000 đ; 01 tủ Bích Phê bằng gỗ mua năm 2016 có giá trị 1.400.000 đ; 01 tủ lạnh hiệu SHARP mua năm 2016 có giá trị 0 đồng; 01 mặt bàn bằng gỗ mua năm 2018 có giá trị 1.000.000 đ; 01 chiếc xe máy YAMAHA SIRIUS mua năm 2017 có giá trị 11.000.000 đ; 01 máy cửa mua năm 2019 có giá trị 0 đồng; 01 máy cắt mua năm 2017 có giá trị 1.800.000 đ; 01 máy phun mua năm 2017 có giá trị 1.100.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 45 que khung ngoại có trị giá: 18.000.000 đ; mặt, đai, đồ 135 que gỗ Mang, Chay có trị giá: 20.250.000 đ. Tổng giá trị tài sản là: 148.654.000 đ (một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng).

2.1. Chia cho anh Trương Văn D: 01 ngôi nhà gỗ, mái ngói 03 gian, thung ván, nền xi măng, diện tích 59,94 m² có giá trị 20.668.000 đ; 02 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 4.500.000 đ; 01 tủ Bích Phê bằng gỗ mua năm 2016 có giá trị 1.400.000 đ; 01 tủ lạnh hiệu SHARP mua năm 2016 có giá trị 0 đồng; 01 mặt bàn bằng gỗ mua năm 2018 có giá trị 1.000.000 đ; 01 chiếc xe máy YAMAHA SIRIUS mua năm 2017 có giá trị 11.000.000 đ; 01 máy cửa mua năm 2019 có giá trị 0 đồng; 01 máy cắt mua năm 2017 có giá trị 1.800.000 đ; 01 máy phun mua năm 2017 có giá trị 1.100.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 23 que khung ngoại có trị giá: 9.200.000 đ; mặt, đai đồ 68 que gỗ Mang, Chay: 10.200.000 đ. Tổng giá trị tài sản được chia là 60.868.000 đ (sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2.2. Chia cho chị Cao Thị Q: 01 ngôi nhà phụ, mái lợp tôn, cửa ghép đơn giản, nền láng xi măng, thung gỗ, diện tích 49,92 m² có giá trị 3.265.000 đ; 01 ngôi nhà bếp tường xây gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng diện tích 18,87 m² có giá trị 34.371.000 đ; 01 chuồng lợn, xây bằng gạch, mái phibroximang, nền láng xi măng, tường cao dưới 02 m, diện tích 76,5 m² có giá trị 29.050.000 đ; 01 chiếc giường ngủ bằng gỗ làm năm 2017 có giá trị 2.250.000 đ; 01 bộ gỗ nhà gồm 22 que khung ngoại có trị giá 8.800.000 đ; mặt, đai đồ 67 que gỗ Mang, Chay trị giá 10.050.000 đ. Tổng tài sản được chia là 87.786.000 đ (tám mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

2.3. Chị Cao Thị Q phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản chung cho anh Trương Văn D số tiền 13.459.000 đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng).

3. Xác định khoản vay số tiền 30.000.000 đ và lãi phát sinh 53.000 đ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình là nợ chung của anh Trương Văn D và chị Cao Thị Q.

3.1. Buộc anh Trương Văn D và chị Cao Thị Q mỗi người phải trả 15.026.500 đ (mười lăm triệu không trăm hai mươi sáu triệu năm trăm đồng) số tiền gốc và lãi phát sinh của khoản nợ vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Án phí chia tài sản chung: anh Trương Văn D phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 3.716.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000579 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh D còn phải nộp 3.416.000 đ (ba triệu bốn trăm mười sáu nghìn đồng).

Chị Cao Thị Q phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 3.716.000 đ (ba triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

4.2. Án phí chia nợ chung: anh Trương Văn D và chị Cao Thị Q mỗi người phải chịu 751.000 đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: chị Cao Thị Q phải trả lại cho anh Trương Văn D số tiền 1.500.000 đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (14/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong án, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Minh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

